

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khoa Sau Đại học

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TOÀN KHOÁ HỆ ĐÀO TẠO: THẠC SĨ

KHOÁ 15(2007-2009); CHUYÊN NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM

STT	Họ tên	Ngoại Ngữ	Triết học	Sự rộng rãi của VX VN sau 45	Sự biến đổi của thi pháp ca dao	Thi pháp học	LS tư tưởng VH phương đông	Văn học nhà trường	Sự rộng rãi phát triển của các t.loại VH	Tiến trình VH VN đương đại	PP luận NC tác gia VH	P/cách NT một số tác gia VHVN hiện đại	Ngôn ngữ học đại cương	Ngữ dụng học và một số vấn đề của Tiếng Việt	Thi pháp VHĐG	VH trung đại	Văn học hiện đại hoá VHVN đầu XX	
Số môn học		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
ĐVHT		7	6	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	55
1	Hoàng Thị Vi	8.1	9.0	8.3	8.8	6.4	8.2	8.2	8.2	8.4	7.4	8.0	9.2	7.4	8.6	7.6	7.6	8.1382
2	Nguyễn Thị M Nguyệt	6.6	9.0	8.5	9.1	7.0	7.4	8.4	8.8	8.4	8.0	7.4	8.4	7.4	8.6	8.2	9.0	8.0727
3	Đào Thị Khάρ Ván	8.5	8.6	8.3	8.8	7.6	8.3	8.4	8.7	8.0	8.0	8.0	7.4	7.8	6.8	8.0	6.4	8.0
4	Hồ Thị Mai Hương	7.2	8.6	8.5	8.7	7.6	7.9	7.7	8.4	7.7	7.4	8.0	7.3	8.2	9.4	8.2	7.6	8.0
5	Nguyễn Thị Mỹ	6.9	9.0	7.9	8.4	7.4	7.6	8.2	8.1	7.7	7.8	9.0	9.0	7.8	8.2	7.7	6.4	7.9255
6	Triệu Thị Phương	7.2	9.0	7.8	9.0	6.6	7.9	8.2	8.4	8.4	7.4	7.4	8.1	7.4	8.0	7.3	8.0	7.8927
7	Cao Thị Thu Hoài	8.6	8.0	8.5	8.3	8.0	8.2	8.4	8.2	7.3	6.7	8.0	7.3	7.2	7.4	7.2	7.9	7.8909
8	Lê Thị Quỳnh	7.5	8.0	8.2	8.0	7.0	8.2	8.2	8.7	8.7	8.3	7.4	8.2	8.0	8.0	6.8	7.4	7.8873
9	Đỗ Thị Hương	7.9	8.0	8.2	8.5	7.2	6.8	8.2	8.4	7.5	6.9	8.6	8.2	6.6	9.0	7.8	7.4	7.84
10	Lại Thị Thuý Vân	5.3	9.0	8.2	8.7	7.0	7.2	8.5	8.5	8.7	7.0	8.4	8.7	7.8	8.0	8.2	8.0	7.8145
11	Hoàng Minh Nguyệt	7.9	9.0	7.6	9.0	6.4	7.9	8.3	8.5	7.5	6.0	7.4	8.0	7.2	8.4	8.0	5.4	7.7473
12	Dương Thị Xuân	6.8	9.0	8.4	7.9	7.4	7.9	7.9	8.1	7.7	6.6	8.6	7.7	7.4	8.0	7.4	7.0	7.7382
13	Nguyễn Thị Nhung	7.3	8.0	7.9	8.4	7.0	7.6	7.7	8.7	7.8	7.2	7.4	8.3	7.8	8.0	7.7	7.3	7.7364
14	Phạm Thị Hôi Xiêm	8.1	8.6	8.7	8.6	6.6	8.4	7.7	8.2	7.7	6.8	7.4	6.6	7.0	8.0	8.5	5.4	7.7291
15	Hoàng Thị Dung	7.7	8.0	7.9	8.1	7.6	8.7	8.2	8.2	7.5	6.8	7.4	7.7	7.4	7.4	7.1	7.7	7.7273
16	Vũ Thanh Huyền	7.9	9.0	9.0	8.0	7.0	5.6	8.2	8.4	7.8	6.5	7.8	7.7	7.4	8.2	6.0	6.6	7.6709
17	Trần Thị Bích Vân	7.9	8.6	7.3	7.8	7.3	6.8	7.9	7.9	7.7	6.8	7.4	8.4	7.4	7.8	6.8	6.3	7.5945
18	Đinh Thị Minh Hảo	8.0	9.0	7.8	6.6	7.4	5.0	8.2	8.2	7.1	6.6	7.4	7.7	6.8	8.0	6.9	8.1	7.5527
19	Võ Văn Hà	8.5	8.0	7.7	8.8	7.2	6.5	7.2	8.4	7.9	7.2	7.0	7.3	5.6	7.4	7.5	6.4	7.5236
20	Nguyễn Hoà Hà	5.2	7.4	8.3	8.3	7.6	8.1	8.5	8.5	8.3	6.6	9.0	8.4	7.4	8.0	6.7	5.4	7.4
21	Tô Thị Thuý Ngân	7.0	8.4	8.7	9.0	7.0	6.8	7.9	8.8		7.6	7.0	8.6	7.4	8.0	7.0	8.6	7.4

22	Nguyễn Thị T Huyền	7.1	9.0	6.9	7.4	7.0	5.3	7.9	7.9	7.3	7.4	7.0	7.7	7.2	7.4	6.6	6.8	7.3291
23	Ngô Tuấn Anh	6.9	8.0	6.7	6.0	7.0	6.8	8.2	8.2	7.5	5.4	7.8	7.9	6.6	8.2	6.1	7.4	7.1945
24	Đàm Thuỳ Linh	7.3	7.4	7.9	8.1	6.6	7.2	7.6	8.4	6.6	5.5	7.0	6.8	6.2	7.8	6.9	6.6	7.1473
25	Lương Thị Kim Thoa	6.2	8.6	6.3	8.5	7.0	5.6	6.8	7.6	7.0	6.5	7.0	7.8	5.6	7.8		5.6	6.5873

Ghi chú: -Điểm đánh dấu là điểm thi lần 2

- Tô Thị Thuý Ngân chưa có điểm học phần "Tiến trình VHVN đương đại" không đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Lương Thị Kim Thoa chưa có điểm học phần "Văn học trung đại" không đủ điều kiện bảo vệ luận văn

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI LÀM ĐIỂM